TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **267**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2022
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Tỏ**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Cao Nguyệt Q**, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: 162 C, phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.
2. **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm xxxx. (*vắng mặt không lý do)*
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Q trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị và anh N tổ chức cưới vào năm 2017, sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G.

Sau khi cưới, anh N về sống bên gia đình chị tại thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chị cùng đi làm thuê để lo kinh tế gia đình. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018, sau khi chị sinh con được khoảng 02 - 3 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh N thường xuyên uống rượu say xỉn, không phụ lo kinh tế gia đình. Vợ chồng thường xuyên cự cãi và anh N dọn ra ngoài sống riêng. Khi đi anh N có hứa thời gian sau sẽ quay lại đón mẹ con chị nhưng sau đó thì vợ chồng dần mất liên lạc. Năm 2021, anh N liên lạc với chị và đề nghị ly hôn nhưng anh không nộp đơn nên nay chị yêu cầu ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị chung sống có 01 người con chung là cháu A, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con; chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

** Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn anh N vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Q, nhận thấy:

Vợ chồng chị tổ chức cưới năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 04/10/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân do anh N thường xuyên uống rượu say xỉn, không phụ lo kinh tế gia đình. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không gửi văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị; điều này cho thấy anh không muốn hàn gắn tình cảm với chị và mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, cho chị được ly hôn với anh N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 01 người con chung là cháu A, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện do chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị Q là có cơ sở chấp nhận, vì cháu sống cùng chị từ nhỏ, đến nay đã ổn định cuộc sống về mọi mặt. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, cha của cháu là anh N cũng không phản đối việc chị yêu cầu nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Do chị Q không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về thăm nom con: Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Sau này, nếu hai bên phát sinh tranh chấp về vấn đề nuôi dưỡng, thăm nom và chăm sóc con chung thì được quyền gửi đơn đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Q yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh N.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên A, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động được. Về cấp dưỡng: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007584 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.